

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M (GalaxyDT). Địa chỉ trụ sở: Tầng E khối E, tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Nguyên T1 – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ làm việc: Số B, H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của công ty TNHH M DT: Công ty Cổ phần M1. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Mai Quốc T2, sinh năm 1996 và chị Ngô Thị Ngọc Á, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Có mặt Công ty Cổ phần M1; vắng mặt chị Á, anh T2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-03-2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH M trình bày:

Ngày 30/06/2023, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty TNHH M (GalaxyDT) đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Theo đó, V1 đồng ý bán và GalaxyDT đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng Ngô Thị Ngọc Á và Mai Quốc T2, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp mà V1 đã ký với vợ chồng anh Mai Quốc T2, chị Ngô Thị Ngọc Á. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng cho vay số LN2201025008792 ký ngày 10/01/2022 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2201001753): Số tiền vay: 350,000,000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent A, AT sản xuất mới 100%).

+ Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2201025008792 ký ngày 10/01/2022: Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu HYUNDAI, Accent 1.4L, AT; số khung DRLUA741BBMN066275; số máy G4LCMG023845; biên kiểm soát (BKS) 18A-277.59 thuộc quyền sở hữu của ông Mai Quốc T3 và bà Ngô Thị Ngọc Á. Hợp đồng thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng anh T2, chị Á đã trả cho V1 số tiền 21.454.080 đồng trong đó: 13.115.476 đồng nợ gốc và 8.338.604 đồng nợ lãi. Vợ chồng chị Ngô Thị Ngọc Á và anh Mai Quốc T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 16/05/2022 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 16/05/2022.

Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần M1 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Buộc vợ chồng chị Ngô Thị Ngọc Á, anh Mai Quốc T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên tính đến ngày ngày 09/8/2024 tổng cộng là 502,870,038 đồng, trong đó: Nợ gốc 336,884,524 đồng; nợ lãi 147.602.757 đồng; phạt chậm trả 18.382.757 đồng.

- Kể từ ngày 10/8/2024, ngoài khoản tiền trên, vợ chồng chị **Ngô Thị Ngọc Á**, anh **Mai Quốc T2** còn phải tiếp tục thanh toán cho **Công ty Cổ phần M1** các khoản tiền lãi theo các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng khác đã ký kết cho đến ngày thanh toán xong các khoản nợ.

- Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng chị **Á**, anh **T2** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho **Công ty Cổ phần M1** thì **Công ty Cổ phần M1** được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô HYUNDAI Accent 1.4L, AT; số khung sau: 01 DRLUA741BBMN066275; số máy G4LCMG023845; BKS 18A-277.59 thuộc quyền sở hữu của anh **Mai Quốc T2** và chị **Ngô Thị Ngọc Á** để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 02-8-204 bị đơn chị **Ngô Thị Ngọc Á** trình bày: Chị **Á** và anh **T2** đã ký kết hợp đồng vay vốn của **V1** và ký hợp đồng thế chấp xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay như người thừa kế quyền và nghĩa vụ của **V1** đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên chị **Á**, anh **T2** không còn khả năng thanh toán nợ gốc và lãi cho **V1**. Việc **V1** chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho **Công ty M** và **Công ty Cổ phần M1** thông qua các Hợp đồng mua bán nợ và phụ lục kèm theo, bị đơn không có ý kiến gì. Đến nay, thay bằng trả nợ cho **V1** thì chị **Á**, anh **T2** phải trả nợ cho **Công ty Cổ phần M1**, bị đơn nhất trí các khoản nợ mà **Công ty Cổ phần M1** yêu cầu. Tuy nhiên, do anh **T2** không tu trí làm ăn, vợ chồng không có khả năng thanh toán nên chị **Á** đề nghị ngân hàng cho vợ chồng chị **Á** được tiếp tục thực hiện hợp đồng để giãn thời gian trả nợ.

*Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý số 76/TB-TLVA ngày 23-5-2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ cho anh **Mai Quốc T2**. Quá trình giải quyết vụ án, anh **T2** vắng mặt nhưng không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi các văn bản trình bày ý đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **T2** nhưng anh **T2** vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh **T2** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; chị **Á** đề nghị xét xử vắng

mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **A**, anh **T2** theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số LN2201025008792 ngày 10/01/2022 và hợp đồng thế chấp số LN2201025008792 ngày 10-01-2022 giữa **V1** và anh **Mai Quốc T2**, chị **Ngô Thị Ngọc Á**:

V1 là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, vợ chồng anh **T2**, chị **Á** là những người có đủ năng lực hành vi dân sự; việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không ý kiến gì về hiệu lực hợp đồng. Do đó, Hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng thế chấp được ký kết giữa **V1** và vợ chồng anh **T2**, chị **Á** và các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

3.1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai thừa nhận của các đương sự thì **V1** đã cho vợ chồng anh **T2**, chị **Á** vay số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 10/01/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh **T2**, chị **Á** đã trả được 21.454.080 đồng (nợ gốc 13.115.476 đồng; nợ lãi 8.338.604 đồng). Vợ chồng anh **T2**, chị **Á** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16-05-2022 nên toàn bộ khoản vay của anh **T2**, chị **Á** bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16-05-2022. Tính đến ngày 09-8-2024, số tiền anh **T2**, chị **Á** còn nợ **V1** là 502,870,038 đồng (trong đó: Nợ gốc là 336.884.524 đồng; tổng nợ lãi và phạt chậm trả là 165.985.514 đồng).

Ngày 30/06/2023, **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty TNHH M (GalaxyDT)** đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Ngày 12-07-2024, **công ty M** đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ cho **công ty cổ phần M1** theo Hợp đồng mua, bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER. Xét các Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 3; Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tại Hợp đồng tín dụng đã ký với **V1**, anh **T2**, chị **Á** và **V1** không thỏa thuận về việc không được mua, bán nợ. Do đó, việc **V1** bán khoản nợ cho **Công ty M** và

việc công ty M bán lại cho công ty M1 là phù hợp về điều kiện khoản nợ được mua, bán theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng N. Vì vậy, Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục hợp đồng mua bán nợ nêu trên có hiệu lực pháp luật, công ty M1 được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với các khoản vay của anh T2, chị Á đối với V1.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tính đến ngày 09-8-2024, vợ chồng anh Mai Quốc T2 và chị Ngô Thị Ngọc Á còn nợ Công ty M1 tổng số tiền 502,870,038 đồng (trong đó: Nợ gốc là: 336,884,524 đồng; tổng nợ lãi và tiền phạt là 165,985,514 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, chị Á xin được tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng để có điều kiện trả nợ nhưng Công ty M1 không đồng ý. Vì vậy, buộc chị Á, anh T2 phải trả nợ cho Công ty M1 số tiền còn nợ như trên là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày 10-8-2024, ngoài nợ gốc, anh T2, chị Á còn phải thanh toán cho Công ty JUPITER tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc với các mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3.2. Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên trong bản án nội dung: Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Mai Quốc T2 và chị Ngô Thị Ngọc Á không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LN2201025008792 ký ngày 10/01/2022 để thu hồi nợ cho Công ty M1.

Xét thấy: Yêu cầu trên của Công ty M1 là một trong những thỏa thuận mà V1 và anh T2, chị Á đã ký kết trong các hợp đồng thế chấp. Theo đó, khi đến hạn mà anh T2, chị Á không trả được nợ thì V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà anh T2, chị Á đã thế chấp theo Hợp đồng số LN2201025008792 ký ngày 10/01/2022 cụ thể là xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu HYUNDAI, Accent 1.4L, AT; số khung sau: 01 DRLUA741BBMN066275; Số máy G4LCMG023845; Biển kiểm soát: 18A-277.59 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Mai Quốc T2 và bà Ngô Thị Ngọc Á.

Do V1 đã chuyển giao mọi quyền yêu cầu cho công ty M1, yêu cầu của Công ty M1 phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp mà V1 và anh T2, chị Á đã ký kết nên yêu cầu trên của Công ty M1 là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 365, 385, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 9, Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 3; Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 đối với anh Mai Quốc T2 và chị Ngô Thị Ngọc Á về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”:

1.1. Buộc anh Mai Quốc T2 và chị Ngô Thị Ngọc Á phải trả Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền nợ là 502.870.038đ (năm trăm linh hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng không trăm ba mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 336.884.524đ (ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tư nghìn năm trăm bốn hai đồng); nợ lãi là 147.602.757đ (một trăm bốn bảy triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng) và phạt chậm trả là 18.382.757đ (mười tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm năm bảy đồng).

1.2. Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2024, ngoài nợ gốc, anh Mai Quốc T3 và chị Ngô Thị Ngọc Á còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 tiền lãi phát sinh

tính trên nợ gốc với các mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2201025008792 ngày 10/01/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh **Mai Quốc T2** và chị **Ngô Thị Ngọc Á** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty Cổ phần M1** được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án huyện Hải Hậu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LN2201025008792 ký ngày 10/01/2022 để thu hồi nợ.

2. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc anh **Mai Quốc T2** và chị **Ngô Thị Ngọc Á** phải nộp 24.114.802đ (hai mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn tám trăm linh hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- **H** lại cho **Công ty Cổ phần M1** số tiền 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà **Công ty M** đã nộp tại biên lai số 0003170 ngày 23-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

2. Quyền kháng cáo: **Công ty Cổ phần M1** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Mai Quốc T2**, chị **Ngô Thị Ngọc Á** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Vân;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

